

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY NHÔM ĐẮK NÔNG - TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /DNA-ATMT

Lâm Đồng, ngày tháng 5 năm 2026

V/v Mời báo giá cung cấp gói kiểm định, hiệu chuẩn các hệ thống quan trắc nước thải, khí thải của Công ty Nhôm Đắk Nông - TKV

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp dịch vụ

Công ty Nhôm Đắk Nông - TKV đang có nhu cầu thực hiện gói dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn các hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động liên tục năm 2026. Để có cơ sở thực hiện, đề nghị Quý Công ty gửi báo giá cung cấp gói kiểm định, hiệu chuẩn các hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động liên tục với những nội dung cụ thể như sau:

TT	Nội dung dịch vụ	ĐTV	Số lượng	Tần suất thực hiện/năm
A.	Hệ thống quan trắc nước thải liên tục	Trạm	2	
I.	Khảo sát hiện trạng hệ thống			
1	Đánh giá bên ngoài	Căn cứ Điều 33 Thông tư 10/2021/TT-BTNMT		
1.1	Kiểm tra thiết bị quan trắc tự động	Công việc	2	1
1.2	Kiểm tra thiết bị thu thập, lưu giữ và truyền nhận	Công việc	2	1
1.3	Kiểm tra dung dịch chuẩn	Công việc	2	1
1.4	Kiểm tra thiết bị lấy mẫu tự động	Công việc	2	1
1.5	Kiểm tra hệ thống camera	Công việc	2	1
1.6	Kiểm tra nhà trạm, bơm lấy mẫu và ống dẫn nước; thiết bị báo cháy, báo khói, chống sét trực tiếp và lan truyền	Công việc	2	1
1.7	Kiểm tra thiết bị phụ khác	Công việc	2	1
1.8	Kiểm tra thiết bị đo nhiệt độ, độ ẩm	Công việc	2	1
2	Đánh giá đặc tính kỹ thuật	Căn cứ Điều 33, Điều 34, Điều 39 Thông tư 10/2021/TT-BTNMT		
2.1	Đánh giá vị trí quan trắc	Công việc	2	1
2.2	Đánh giá đặc tính kỹ thuật thiết bị	Công việc	2	1

TT	Nội dung dịch vụ	ĐTV	Số lượng	Tần suất thực hiện/năm
2.3	Đánh giá dung dịch chuẩn	Công việc	2	1
2.4	Đánh giá thiết bị lấy và thu mẫu tự động	Công việc	2	1
2.5	Đánh giá camera	Công việc	2	1
2.6	Đánh giá nhận, lưu giữ và quản lý dữ liệu	Công việc	2	1
2.7	Đánh giá truyền dữ liệu	Công việc	2	1
2.8	Đánh giá về định dạng dữ liệu	Công việc	2	1
2.9	Đánh giá bảo mật và tính toàn vẹn của dữ liệu	Công việc	2	1
II.	Hiệu chuẩn thiết bị	Căn cứ Điều 35 Thông tư 10/2021/TT-BTNMT		Thực hiện khi kiểm chuẩn sai số thiết bị lớn hơn/bằng 10%
1	Hiệu chuẩn thiết bị đo Lưu lượng đầu ra kênh hở	Thiết bị	2	6
2	Hiệu chuẩn thiết bị đo Lưu lượng đầu vào	Thiết bị	3	6
3	Hiệu chuẩn thiết bị đo Nhiệt độ	Thiết bị	2	6
4	Hiệu chuẩn thiết bị đo pH	Thiết bị	2	6
5	Hiệu chuẩn thiết bị đo TSS	Thiết bị	2	6
6	Hiệu chuẩn thiết bị đo COD	Thiết bị	2	6
7	Hiệu chuẩn thiết bị đo NH ₄ ⁺ (Amoni)	Thiết bị	2	6
III	Kiểm định thiết bị	Căn cứ mục 41 Điều 4 Thông tư 04/2026/TT-BKHCN		
1	Kiểm định thiết bị đo pH	Thiết bị	2	1
2	Kiểm định thiết bị đo TSS	Thiết bị	2	1
3	Kiểm định thiết bị đo COD	Thiết bị	2	1
4	Kiểm định thiết bị đo NH ₄ ⁺ (Amoni)	Thiết bị	2	1
IV	Thử nghiệm đối chứng	Căn cứ Điều 35 Thông tư 10/2021/TT-BTNMT		
1	Chỉ tiêu Lưu Lượng	Mẫu	30	1
2	Chỉ tiêu Nhiệt độ	Mẫu	12	1
3	Chỉ tiêu pH (25 ⁰ C)	Mẫu	12	1

TT	Nội dung dịch vụ	ĐTV	Số lượng	Tần suất thực hiện/năm
4	Chỉ tiêu TSS	Mẫu	12	1
5	Chỉ tiêu COD	Mẫu	12	1
6	Chỉ tiêu NH ₄ ⁺ (Amoni)	Mẫu	12	1
V	Đánh giá độ chính xác tương đối (Báo cáo RA)	Báo cáo	2	1
B	Hệ thống quan trắc khí thải tự động	Trạm	2	
I	Khảo sát hiện trạng hệ thống			
1	Đánh giá bên ngoài	Căn cứ Điều 36, Điều 37 Thông tư 10/2021/TT-BTNMT		
1.1	Kiểm tra thiết bị quan trắc tự động	Công việc	2	1
1.2	Kiểm tra thiết bị thu thập, lưu giữ và truyền nhận	Công việc	2	1
1.3	Kiểm tra bình khí chuẩn	Công việc	2	1
1.4	Kiểm tra hệ thống camera	Công việc	2	1
1.5	Kiểm tra nhà trạm, nguồn điện, báo cháy, báo khói	Công việc	2	1
1.6	Kiểm tra vị trí lỗ quan trắc	Công việc	2	1
1.7	Kiểm tra ống hút mẫu	Công việc	2	1
2	Đánh giá đặc tính kỹ thuật	Căn cứ Điều 37 Thông tư 10/2021/TT-BTNMT		
2.1	Đánh giá đặc tính kỹ thuật	Công việc	2	1
2.2	Đánh giá đặc tính kỹ thuật thiết bị	Công việc	2	1
3	Đánh giá truyền nhận và quản lý dữ liệu:	Căn cứ Điều 37, Điều 39, Phụ lục 6 Thông tư 10/2021/TT-BTNMT		
3.1	Đánh giá ống dẫn mẫu khí	Công việc	2	1
3.2	Đánh giá khả năng lưu giữ và kết xuất dữ liệu	Công việc	2	1
3.3	Đánh giá khí chuẩn	Công việc	2	1
3.4	Đánh giá nhận, lưu giữ và quản lý dữ liệu	Công việc	2	1
3.5	Đánh giá truyền dữ liệu	Công việc	2	1

TT	Nội dung dịch vụ	ĐTV	Số lượng	Tần suất thực hiện/năm
3.6	Đánh giá về định dạng tệp dữ liệu	Công việc	2	1
3.7	Đánh giá bảo mật và tính toàn vẹn của dữ liệu	Công việc	2	1
II	Hiệu chuẩn thiết bị	Căn cứ Điều 38 Thông tư 10/2021/TT-BTNMT		Thực hiện khi kiểm chuẩn sai số thiết bị lớn hơn/bằng 10%
1	Hiệu chuẩn thiết bị đo CO	Thiết bị	2	6
2	Hiệu chuẩn thiết bị đo SO ₂	Thiết bị	2	6
3	Hiệu chuẩn thiết bị đo NO	Thiết bị	2	6
4	Hiệu chuẩn thiết bị đo O ₂	Thiết bị	2	6
5	Hiệu chuẩn thiết bị đo Thông số nhiệt độ khí thải	Thiết bị	2	6
6	Hiệu chuẩn thiết bị đo Thông số Bụi	Thiết bị	2	6
7	Hiệu chuẩn thiết bị đo Thông số Lưu lượng khí thải ống khói	Thiết bị	2	6
8	Hiệu chuẩn thiết bị đo Thông số Áp suất khí thải	Thiết bị	2	6
III	Kiểm định thiết bị	Căn cứ mục 38, 40 Điều 4 Thông tư 04/2026/TT-BKHCHN		
1	Kiểm định thiết bị đo CO	Thiết bị	2	1
2	Kiểm định thiết bị đo SO ₂	Thiết bị	2	1
3	Kiểm định thiết bị đo NO	Thiết bị	2	1
4	Kiểm định thiết bị đo O ₂	Thiết bị	2	1
6	Kiểm định thiết bị đo Thông số Bụi	Thiết bị	2	1
III	Thử nghiệm đối chứng	Căn cứ Điều 38 Thông tư 10/2021/TT-BTNMT		
1	Chỉ tiêu CO	Mẫu	12	1
2	Chỉ tiêu SO ₂	Mẫu	12	1
3	Chỉ tiêu NO	Mẫu	12	1
4	Chỉ tiêu O ₂	Mẫu	12	1
5	Chỉ tiêu nhiệt độ	Mẫu	12	1
6	Chỉ tiêu Bụi	Mẫu	12	1
7	Chỉ tiêu lưu lượng	Mẫu	12	1
8	Chỉ tiêu áp suất	Mẫu	12	1

TT	Nội dung dịch vụ	ĐTV	Số lượng	Tần suất thực hiện/năm
IV	Đánh giá độ chính xác tương đối (Báo cáo RA)	Báo cáo	2	1
C	Chi phí khác (nếu có)			

- Thời hạn gửi báo giá: Trước 10h00, ngày 10/5/2026.

- Hình thức gửi:

+ Email: dnaatmt@gmail.com.

+ Trực tiếp: Phòng An toàn - Môi trường, Công ty Nhôm Đắk Nông - TKV (Thôn 11, xã Nhân Cơ, tỉnh Lâm Đồng).

+ Mọi thông tin chi tiết liên hệ: Ông Đào Xuân Trung - Trưởng phòng An toàn - Môi trường, SĐT: 0914.777.981.

Trân trọng cảm ơn sự quan tâm của Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban LDDH, KTT (e-copy);
- Website Công ty: nhomdaknong.vn (để đăng tải);
- Lưu: VT, ATMT (N.D.B-01b).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Vũ Hoàng